

PHỤ LỤC

Danh mục các khu đất nhỏ hẹp do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng, nằm xen kẹt trong khu dân cư thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 23/6/2026 của HĐND thành phố)

STT	Vị trí khu đất	Địa điểm (đơn vị hành chính cấp xã)	Diện tích dự kiến (m ²)
1	Khu đất tại tuyến 2 đường Đồng Tâm	Phường Kiến An	7,000.0
2	Khu đất tại đường Vành đai 2	Phường Kiến An	46,375.0
3	Khu đất tại ngõ 178, đường Hải Phòng	Phường Dương Kinh	4,782.9
4	Khu đất tại Tổ dân phố số 5 gần khu tái định cư dự án cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Phường Dương Kinh	38,563.5
5	Khu đất tại Tổ dân phố số 1 gần Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại khu vực quận Dương Kinh và huyện Kiến Thụy (nay là tại phường Dương Kinh và xã Kiến Minh)	Phường Dương Kinh	17,445.2
6	Khu đất tại Tổ dân phố Thiên Hương 1	Phường Thiên Hương	11,265.9
7	Khu đất tại Tổ dân phố Thiên Hương 2	Phường Thiên Hương	2,605.2
8	Khu đất tại Tổ dân phố Kiên Bái 7	Phường Thiên Hương	3,317.3
9	Khu đất tại Tổ dân phố Hoàng Động 6	Phường Thiên Hương	2,362.4
10	Khu đất tại Tổ dân phố Lương Đường	Phường Hoà Bình	2,700.6
11	Khu đất tại Tổ dân phố Hà Luận 1, Hà Luận 2	Phường Hoà Bình	22,166.6
12	Khu đất tại Đồng Hang, Tổ dân phố 3 Minh Tân	Phường Bạch Đằng	8,798.0
13	Khu đất cửa hè ông Nghiệp, Tổ dân phố số 1	Phường Lưu Kiếm	4,750.1
14	Khu đất cửa ông Dòn, Tổ dân phố số 1	Phường Lưu Kiếm	7,796.7
15	Khu cửa ông Tơ, Tổ dân phố số 5	Phường Lưu Kiếm	4,561.0
16	Khu đất tại Thôn Cẩm Xuân	Xã Kiến Thụy	5,529.6
17	Khu đất tại Thôn Trà Phương (vị trí 1)	Xã Kiến Thụy	20,353.5
18	Khu đất tại Thôn Trà Phương (vị trí 2)	Xã Kiến Thụy	32,699.0
19	Khu đất tại Thôn Xuân La	Xã Kiến Thụy	3,182.2
20	Khu đất tại Thôn Đoan Xá 2	Xã Kiến Hải	42,167.7
21	Khu đất tại Thôn Đoan Xá 3	Xã Kiến Hải	8,292.5
22	Khu đất Cửa Ban, Thôn Ngọc Liễn	Xã Kiến Hưng	8,895.7
23	Khu đất sau nhà văn hóa Thôn Dương Thắng	Xã Kiến Hưng	7,833.8
24	Khu đất tại Thôn Trúc	Xã Kiến Hưng	7,362.2
25	Khu đất tại Thôn Đồng Rôi	Xã Kiến Hưng	18,434.2
26	Khu đất tại Thôn Xuân Đoài	Xã Nghi Dương	8,100.0
27	Khu đất Cửa Tiệp, Thôn Xuân Đoài	Xã Nghi Dương	6,700.0
28	Khu đất tại Thôn An Thạch	Xã Tân Minh	5,470.6

29	Khu đất tại Thôn Phú Lương	Xã Tân Minh	3,422.8
30	Khu đất tại Thôn Hoàng Đông	Xã Tiên Minh	5,273.0
31	Khu đất tại Thôn Thượng Trang (vị trí 1)	Xã An Trường	7,149.5
32	Khu đất tại Thôn Thượng Trang (vị trí 2)	Xã An Trường	8,098.3
33	Khu đất tại Thôn 2	Xã Nguyễn Bình Khiêm	31,400.0
34	Khu đất tại Thôn An Cầu	Xã Vĩnh Thuận	12,207.0
35	Khu đất tại Thôn 2	Xã Vĩnh Thuận	19,029.0
36	Khu đất tại mặt đường Tỉnh lộ 390C, Tổ dân phố Tân Lập	Phường Nam Đồng	1,774.1
37	Khu đất tại mặt đường tỉnh lộ 390C, Tổ dân phố Phú Lương	Phường Nam Đồng	1,061.5
38	Khu đất tại xứ Đồng Giá, Tổ dân phố Cặp Thượng 2	Phường Nam Đồng	6,113.0
39	Khu đất tại xứ Đồng Công, Tổ dân phố Đồng Ngộ	Phường Nam Đồng	4,746.4
40	Khu đất tại Thôn Mạn Đê	Xã Trần Phú	7,762.0
41	Khu đất hai bên Kênh T1, Trạm bơm Thanh Quang	Xã Trần Phú	44,110.0
42	Khu đất tại Thôn Hải Yến	Xã Hà Bắc	3,030.0
43	Khu đất tại Thôn Dậu Trì	Xã Ninh Giang	9,177.0
44	Khu đất tại đường Tô Phong, Tổ dân phố Đẩu Sơn 1	Phường Phù Liễn	128,197.0
45	Khu đất tại ngõ 45 đường Lê Tảo, Tổ dân phố Lê Tảo 3	Phường Phù Liễn	32,676.1
46	Khu đất tại đường Quy Túc, Tổ dân phố Kiến Thiết	Phường Phù Liễn	13,000.0
47	Khu đất tại Ngã tư gốc đa, thôn Thọ Linh	Xã Kiến Minh	5,017.7
48	Khu đất tại Vườn Cam, thôn Thống Nhất	Xã Kiến Minh	4,699.9
49	Khu đất tại Khu Cửa Nhân, thôn Cốc Liễn 2	Xã Kiến Minh	4,550.0
50	Khu đất tại tổ dân phố Thanh Liễu (vị trí 1)	Phường Tân Hưng	1,100.0
51	Khu đất tại tổ dân phố Thanh Liễu (vị trí 2)	Phường Tân Hưng	2,725.0
52	Khu đất tại Khu ruộng xứ đồng Lá Cờ	Xã Vĩnh Hoà	5,021.0
53	Khu đất tại Khu ruộng xứ đồng Lá Cờ	Xã Vĩnh Hoà	13,979.0
54	Khu đất tại Khu ruộng xứ đồng Giữa Đồng	Xã Vĩnh Hoà	12,370.0
55	Khu đất tại tổ dân phố Bạch Mai	Phường An Hải	1,750.0
56	Khu đất nằm trên mặt đường bao phía Bắc, Tổ dân phố Múc	Phường Nam Triệu	1,488.0
57	Khu đất tại Bờ Nứa, thôn Triều Đông	Xã Tiên Lãng	33,508.0
58	Khu đất tại khu cửa làng Tát Cầu, thôn Tam Cường	Xã Tiên Lãng	4,504.0
59	Khu đất tại thôn Thanh Khê	Xã Vĩnh Hải	14,709.6

60	Khu đất tại thôn Cúc Thủy	Xã Vĩnh Hải	7,661.3
61	Khu đất tại thôn Bến Vọng	Xã Vĩnh Hải	10,221.2
62	Khu đất tại thôn Tứ Duy	Xã Vĩnh Hải	4,966.4
63	Khu đất tại thôn Quyết Tiến	Xã Vĩnh Hải	12,956.3
64	Khu đất tại lô số IV.2-24-HH1 thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Đồ Sơn (cũ) đến năm 2040	Phường Nam Đồ Sơn	1,273.2
65	Khu đất tại đồng Con Cá, thôn La Xá	Xã Nguyễn Lương Bằng	11,000.0
66	Khu đất Cam Lộ 2 Hùng Vương	Phường Hồng Bàng	1,230.0
67	Khu đất Cam Lộ 5 Hùng Vương	Phường Hồng Bàng	7,652.0
	TỔNG CỘNG	30 đơn vị hành chính cấp xã	860,120.4